

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016**



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	03-05
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	06-07
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	08-41
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	08-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	14-41

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400577169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2007 và được đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 31 tháng 08 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 31/08/2015 là 85.999.990.000 VND (*Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*) với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần tương đương 8.599.999 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác đá, xây dựng.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trương Thế Sơn	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên ( <i>Bổ nhiệm ngày 21/04/2016</i> )(i)
- Ông Nguyễn Kim Trường	Thành viên ( <i>Miễn nhiệm ngày 21/04/2016</i> )
- Ông Lê Văn Bình	Thành viên
- Ông Huỳnh Văn Hiệp	Thành viên ( <i>Bổ nhiệm ngày 21/04/2016</i> )(i)
- Ông Trương Thế Tùng	Thành viên
- Ông Trần Vĩnh Thành	Thành viên ( <i>Miễn nhiệm ngày 21/04/2016</i> )

(i) Theo Nghị quyết số 01/2016/VMI/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Nguyễn Đoàn Minh Huy	Trưởng ban	( <i>Miễn nhiệm ngày 21/04/2016</i> )
- Ông Nguyễn Quang Châu	Thành viên	( <i>Miễn nhiệm ngày 21/04/2016</i> )
- Bà Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên	( <i>Miễn nhiệm ngày 21/04/2016</i> )
- Ông Lê Thanh Tùng	Trưởng ban	( <i>Bổ nhiệm ngày 21/04/2016</i> )(i)
- Bà Hồ Thị Hồng Vân	Thành viên	( <i>Bổ nhiệm ngày 21/04/2016</i> )(i)
- Ông Nguyễn Minh Tú	Thành viên	( <i>Bổ nhiệm ngày 21/04/2016</i> )(i)

(i) Theo Nghị quyết số 01/2016/VMI/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Văn Bình	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Tổng giám đốc
- Ông Trương Thế Tùng	Phó Tổng giám đốc
- Ông Huỳnh Văn Hiệp	Kế toán trưởng

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Ban Tổng giám đốc Công ty xin được công bố sự kiện phát sinh quan trọng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Công ty thay đổi vốn điều lệ từ 85.999.990.000 đồng lên 105.999.990.000 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400577169 thay đổi lần thứ 17 ngày 05 tháng 08 năm 2016.

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng cho rằng, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động còn phù hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính giữa niên độ của Công ty đã được lập theo đúng yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**TM. Ban Tổng giám đốc**



**Lê Văn Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Số: *118* /2016/BCKT/PKF-VPHNHà Nội, ngày *15* tháng 8 năm 2016**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 08 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Trần Thị Nguyệt**

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0589-2015-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>196.211.942.547</b>	<b>106.934.207.667</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.176.677.456</b>	<b>6.554.152.168</b>
1. Tiền	111		6.176.677.456	6.554.152.168
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>167.789.660.948</b>	<b>73.401.030.115</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63.245.289.733	37.173.418.764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	58.328.450.638	14.290.101.835
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		21.943.490.389	1.090.909.091
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5	26.133.951.054	20.846.600.425
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(1.861.520.866)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>21.816.924.212</b>	<b>26.127.590.488</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.816.924.212	26.127.590.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>428.679.931</b>	<b>851.434.896</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	363.771.004	455.333.365
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.908.927	396.101.531
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>58.325.310.797</b>	<b>50.712.881.584</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>412.935.844</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		412.935.844	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.615.604.113</b>	<b>39.305.241.136</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	32.615.604.113	39.305.241.136
- Nguyên giá	222		42.800.288.146	48.013.924.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.184.684.033)	(8.708.683.373)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.812.748.551</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.812.748.551	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.2</b>	<b>15.004.308.725</b>	<b>8.950.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.004.308.725	8.950.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.479.713.564</b>	<b>2.457.640.448</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.479.713.564	2.457.640.448
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>254.537.253.344</b>	<b>157.647.089.251</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Mẫu số B01a-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>136.162.962.980</b>	<b>58.444.666.589</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>136.162.962.980</b>	<b>58.444.666.589</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	21.339.223.680	17.965.019.049
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	38.145.490.074	7.598.948.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.656.845.737	7.411.183.237
4. Phải trả người lao động	314		512.188.802	674.718.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	16.377.962.181	304.218.182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	6.914.104.126	205.496.445
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	45.447.000.000	24.213.571.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		770.148.380	71.512.536
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu số B01a-DN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>118.374.290.364</b>	<b>99.202.422.662</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	118.374.290.364	99.202.422.662
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.999.990.000	85.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.999.990.000	85.999.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(78.181.818)	(28.181.818)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.833.312.470	728.576.626
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		10.619.169.712	12.502.037.854
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.992.566.666	1.568.679.416
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.626.603.046	10.933.358.438
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>254.537.253.344</b>	<b>157.647.089.251</b>

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Thị Trà Giang



Huỳnh Văn Hiệp



Lê Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	98.457.201.062	80.172.090.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>98.457.201.062</b>	<b>80.172.090.418</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	84.871.850.334	67.057.254.165
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.585.350.728</b>	<b>13.114.836.253</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.226.981	4.828.306
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.333.322.792	1.186.730.686
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.333.322.792	1.186.730.686
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	4.223.748.994	2.978.609.301
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.034.505.923</b>	<b>8.954.324.572</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	653.368.818	3.542.213.648
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.208.940.010	4.789.768.200
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(555.571.192)</b>	<b>(1.247.554.552)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.478.934.731</b>	<b>7.706.770.020</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.618.331.685	1.785.013.667
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>5.860.603.046</b>	<b>5.921.756.353</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		610	1.076
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Hồ Thị Trà Giang

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Hiệp

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		90.690.549.027	88.288.152.223
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(105.557.433.092)	(84.620.176.484)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.701.105.716)	(2.787.626.933)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.333.322.792)	(1.186.730.686)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.029.586.808)	(715.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.183.729.616	4.617.924.739
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.309.030.559)	(7.886.129.237)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(33.056.200.324)</b>	<b>(4.289.586.378)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.560.930.369)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.226.981	4.075.517
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.554.703.388)</b>	<b>4.075.517</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20.000.000.000	2.300.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.147.000.000	14.380.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.913.571.000)	(8.485.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>41.233.429.000</b>	<b>8.195.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(377.474.712)</b>	<b>3.909.489.139</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.554.152.168	5.806.157.469
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VI.01</b>	<b>6.176.677.456</b>	<b>9.715.646.608</b>

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng





Hồ Thị Trà Giang

Huỳnh Văn Hiệp

Lê Văn Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400577169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2007 và được đăng ký thay đổi lần thứ thay đổi lần thứ 16 vào ngày 31 tháng 08 năm 2015

Trụ sở của Công ty tại số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 31/08/2015 là 85.999.990.000 VND (*Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*) với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần tương đương 8.599.999 cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là khai thác đá và xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác, sản xuất vật liệu xây dựng (sản xuất trong khu công nghiệp);
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, đầu tư hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống); Giáo dục nghề nghiệp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Phá dỡ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Cho thuê xe có động cơ; Lắp đặt hệ thống điện.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

**4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

*a) Chứng khoán kinh doanh:*

*b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*c) Các khoản cho vay:*

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

*d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:*

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

*đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

*e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:*

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

*f) Lập dự phòng đầu tư tài chính*

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

*a) Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

**b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-35 năm
- Máy móc, thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

*b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính*

*c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

**7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

**8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:  
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

**e) Thu nhập khác**

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

**18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**22. Công cụ tài chính**

**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

**b) *Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

**23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh thành phẩm: đá các loại làm vật liệu xây dựng thông thường (đá 1x2, đá 2x4, đá 0,5x1, đá cấp phối)

Lĩnh vực xây dựng: Thảm bê tông nhựa nóng các loại.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của công ty chủ yếu phân bố ở Đà Nẵng, Hà Nội...

**24. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

Đơn vị tính: VND

**1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	3.985.356.832	6.521.371.264
Tiền gửi ngân hàng	2.191.320.624	32.780.904
- Tiền gửi ngân hàng VND	2.191.770.624	36.314.290
<i>NH TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng</i>	3.500.576	3.500.576
<i>NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Lệ</i>	803.179	1.513.274
<i>NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân</i>	2.699.083	2.699.083
<i>NH NN&amp;PTNT Việt Nam - CN Cẩm Lệ</i>	1.617.654	1.514.497
<i>NH NN&amp;PTNT Việt Nam - CN Hải Châu</i>	20.317.614	17.702.581
<i>NH TNHH Liên Doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng</i>	2.143.845.511	935.309
<i>NH TMCP Phát triển nhà TP.HCM</i>	9.669.395	4.400.202
<i>NH TMCP Quốc dân - CN Nghệ An</i>	6.376.999	1.108.155
<i>NH TMCP Đại Dương- CN Đà Nẵng</i>	2.940.613	2.940.613
- Tiền gửi ngân hàng USD	-	-
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.176.677.456</b>	<b>6.554.152.168</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5, Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a-DN

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
b1) Ngắn hạn	-	-	-	-
b1) Dài hạn	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.004.308.725	-	8.950.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đất Mới- tỷ lệ sở hữu 44,75%</i>	8.950.000.000	-	8.950.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Edico - tỷ lệ sở hữu 40 % (i)</i>	6.054.308.725	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.004.308.725</b>	<b>-</b>	<b>8.950.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Xem thuyết minh 4.5- Giá trị hợp lý trang 38.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	63.245.289.733	37.173.418.764
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	45.467.875.108	11.328.948.703
- Công ty CP ĐTXL Dầu khí Imico	13.034.735.310	8.676.182.853
- Công ty CP Phát triển XD và TM Thuận An	4.846.193.850	682.374.850
- Công ty TNHH KTXD Quang Đại Việt	12.557.658.679	1.970.391.000
- Công ty CP Edico	15.029.287.269	-
Phải thu khách hàng khác	17.777.414.625	25.844.470.061
<b>Cộng</b>	<b>63.245.289.733</b>	<b>37.173.418.764</b>
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
- Công ty CP Edico	15.029.287.269	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lười	246.927.240	246.927.240
<b>Cộng</b>	<b>15.029.287.269</b>	<b>-</b>

**4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	58.328.450.638	14.290.101.835
(Chi tiết các khoản trả trước người bán ngắn hạn chiếm 10% trở lên)	36.916.190.147	2.464.016.000
- Bà Hồ Thị Hồng Vân	7.700.000.000	-
- Ông Phạm Ngọc Tiếp	6.236.000.000	-
- Công ty TNHH Hưng Mỹ Thịnh	10.359.016.000	2.464.016.000
- Công ty CP Edico	12.621.174.147	-
Các công ty khác	21.412.260.491	11.826.085.835
<b>Cộng</b>	<b>58.328.450.638</b>	<b>14.290.101.835</b>

**5 . PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	26.133.951.054	(1.861.520.866)	20.846.600.425	-
- Phải thu khác (i)	9.410.160.545	(1.861.520.866)	8.845.331.903	-
- Tạm ứng (ii)	16.723.790.509	-	10.961.125.478	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	1.040.143.044	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.133.951.054</b>	<b>(1.861.520.866)</b>	<b>20.846.600.425</b>	<b>-</b>

**(i) Phải thu khác theo đối tượng:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trương Khánh Toàn	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Trương Trần	6.205.069.553	6.205.069.553
Công ty TNHH TM&DV Hoàng Lộc	78.000.000	78.000.000
Công ty CP Trung Thành	59.000.000	59.000.000
Công ty CP XD số 15 Thăng Long	125.000.000	-
Công ty CP Edico	434.055.992	-
Các đối tượng khác	9.035.000	3.262.350
<b>Cộng</b>	<b>9.410.160.545</b>	<b>8.845.331.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(ii) <i>Tạm ứng theo đối tượng:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Đinh Văn Sơn- Công trình Đèo Cả - Phú Yên	3.000.000.000	-
Ông Nguyễn Phi Hòa- Công trình Quảng Nam- Quảng Ngãi	3.138.388.000	2.000.000.000
Ông Dương Văn Định- Công trình Huế	3.000.000.000	1.500.000.000
Các đối tượng khác	7.585.402.509	7.461.125.478
<b>Cộng</b>	<b>16.723.790.509</b>	<b>10.961.125.478</b>

**6. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu khách hàng</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	6.205.069.553	4.343.548.687	6.205.069.553	6.205.069.553
Công ty Cổ phần Trương Trần(i)	6.205.069.553	4.343.548.687	6.205.069.553	6.205.069.553
<b>Cộng</b>	<b>6.205.069.553</b>	<b>4.343.548.687</b>	<b>6.205.069.553</b>	<b>6.205.069.553</b>

(i) Công ty Cổ phần Trương Trần đang tạm ngừng hoạt động do đó công ty đang đánh giá là khoản nợ khó đòi và trích lập dự phòng 30%.

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	3.804.542.663	-	777.979.159	-
Chi phí SXKD dở dang	17.092.949.034	-	25.000.441.361	-
Thành phẩm nhập kho	919.432.515	-	349.169.968	-
<b>Cộng</b>	<b>21.816.924.212</b>	<b>-</b>	<b>26.127.590.488</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

b) Xây dựng cơ bản dở dang (chi tiết các công trình chiếm 10% trở lên trên tổng giá trị XD CB

- *Mua sắm TSCĐ*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	7.812.748.551	-
<b>Cộng</b>	<b>7.812.748.551</b>	<b>-</b>

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	363.771.004	455.333.365
- <i>Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	363.771.004	455.333.365
b) Dài hạn	2.479.713.564	2.457.640.448
- <i>Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	2.479.713.564	2.457.640.448
<b>Cộng</b>	<b>2.843.484.568</b>	<b>2.912.973.813</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐÁU TỬ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

**10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	11.524.193.380	34.825.171.694	811.638.635	852.920.800		48.013.924.509
Tăng trong năm		1.581.818.182				1.581.818.182
- Mua trong năm		1.581.818.182				1.581.818.182
- Tăng khác						
Giảm trong năm		6.795.454.545				6.795.454.545
- Thanh lý, nhượng bán		6.795.454.545				6.795.454.545
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	11.524.193.380	29.611.535.331	811.638.635	852.920.800		42.800.288.146
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	2.289.374.181	4.792.790.439	811.638.635	814.880.118		8.708.683.373
Tăng trong năm	392.057.574	1.816.635.422		8.453.484		2.217.146.480
- Số khấu hao trong năm	392.057.574	1.816.635.422		8.453.484		2.217.146.480
Giảm trong năm		741.145.820				741.145.820
- Thanh lý, nhượng bán		741.145.820				741.145.820
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	2.681.431.755	5.868.280.041	811.638.635	823.333.602		10.184.684.033
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	9.234.819.199	30.032.381.255		38.040.682		39.305.241.136
2. Tại ngày cuối năm	8.842.761.625	23.743.255.290		29.587.198		32.615.604.113

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Mẫu số B09a-DN****11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>45.447.000.000</b>	<b>45.447.000.000</b>	<b>39.147.000.000</b>	<b>17.913.571.000</b>	<b>24.213.571.000</b>	<b>24.213.571.000</b>	
Vay ngân hàng VND	45.447.000.000	45.447.000.000	39.147.000.000	17.913.571.000	24.213.571.000	24.213.571.000	
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng(1)	3.080.000.000	3.080.000.000	3.080.000.000	3.080.000.000	3.080.000.000	3.080.000.000	
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- CN Nghệ An	-	-	-	4.433.571.000	4.433.571.000	4.433.571.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Hải Châu (2)	42.367.000.000	42.367.000.000	36.067.000.000	10.400.000.000	16.700.000.000	16.700.000.000	
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>45.447.000.000</b>	<b>45.447.000.000</b>	<b>39.147.000.000</b>	<b>17.913.571.000</b>	<b>24.213.571.000</b>	<b>24.213.571.000</b>	

(1) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng số: 441/2015/HĐTD ngày 12 tháng 6 năm 2015 với hạn mức là 3,08 tỷ đồng, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa từng lần rút vốn là 8 tháng kể từ ngày giải ngân, với lãi suất và thời hạn trả nợ quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2): Hợp đồng hạn mức tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hải Châu số 2001-LAV-201600617 ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng 70.000.000.000 đồng, thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay từng lần rút vốn tối đa không quá 06 tháng, lãi suất tại thời điểm ký kết là 8,3%/năm và được điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/1 lần, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	21.339.223.680	21.339.223.680	17.965.019.049	17.965.019.049
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	6.816.645.150	6.816.645.150	4.213.168.150	4.213.168.150
<i>Công ty Cổ phần Jitta</i>	<i>6.816.645.150</i>	<i>6.816.645.150</i>	<i>4.213.168.150</i>	<i>4.213.168.150</i>
Các khoản phải trả người bán khác	14.522.578.530	14.522.578.530	13.751.850.899	13.751.850.899
<b>Cộng</b>	<b>21.339.223.680</b>	<b>21.339.223.680</b>	<b>17.965.019.049</b>	<b>17.965.019.049</b>
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty TNHH XL và KDVLXD Nhật Quang	202.574.999	202.574.999	-	-
<b>Cộng</b>	<b>202.574.999</b>	<b>202.574.999</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	1.267.489.452	1.267.489.452	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.267.489.452</b>	<b>1.267.489.452</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần XDCT GT5	11.741.341.000	-
- Công ty Cổ phần XD Hải Thạch	12.900.000.000	-
- Các công ty khác	13.504.149.074	7.598.948.139
<b>Cộng</b>	<b>38.145.490.074</b>	<b>7.598.948.139</b>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	1.260.508.431	567.302.675	1.367.700.723	460.110.383
- Thuế TNDN	3.730.361.232	1.618.331.685	1.029.586.808	4.319.106.109
- Thuế TNCN	86.939.643	30.133.900	-	117.073.543
- Thuế thuế đất	67.900.000	79.540.000	67.900.000	79.540.000
- Thuế tài nguyên	741.478.643	192.712.240	791.011.203	143.179.680
- Các loại thuế khác	1.523.995.288	354.582.765	340.742.031	1.537.836.022
<b>Cộng</b>	<b>7.411.183.237</b>	<b>2.842.603.265</b>	<b>3.596.940.765</b>	<b>6.656.845.737</b>

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	16.377.962.181	-
- Trích trước chi phí các công trình	16.337.962.181	-
<i>Công trình BOT</i>	<i>4.077.429.636</i>	
<i>Công trình đường Tam Quang Núi Thành</i>	<i>1.617.415.455</i>	
<i>Công trình sửa chữa QL1A Phú Bài</i>	<i>1.970.000.000</i>	
<i>Công trình Cầu Kỳ Phú 1</i>	<i>3.167.810.582</i>	
<i>Công trình sửa chữa QL1A Phong Điền</i>	<i>2.936.080.436</i>	
<i>Công trình đường nội bộ -KCN Vsip</i>	<i>1.666.886.628</i>	
<i>Các công trình khác</i>	<i>902.339.444</i>	
- Trích trước chi phí kiểm toán	40.000.000	-
- Các chi phí phải trả khác	-	304.218.182
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b><u>16.377.962.181</u></b>	<b><u>304.218.182</u></b>

**16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	104.670.566	99.641.719
- Bảo hiểm xã hội	210.964.505	93.444.692
- Bảo hiểm y tế	19.059.559	7.239.300
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.484.746	3.161.484
- Phải trả, phải nộp khác	6.570.924.750	2.009.250
<b>Cộng</b>	<b><u>6.914.104.126</u></b>	<b><u>205.496.445</u></b>
b) Dài hạn		
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐÀU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Mẫu số B09a-DN****17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>54.000.000.000</b>			<b>405.353.535</b>		<b>6.643.115.598</b>	<b>61.048.469.133</b>
Tăng vốn năm trước	31.999.990.000		(28.181.818)				31.971.808.182
Lãi trong năm trước						11.047.358.438	11.047.358.438
Tăng khác				323.223.091			323.223.091
Giảm vốn trong năm trước						5.188.436.182	5.188.436.182
<i>Trích lập các quỹ</i>						646.446.182	646.446.182
<i>Trả cổ tức</i>						4.427.990.000	4.427.990.000
<i>Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát</i>						114.000.000	114.000.000
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác							-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>85.999.990.000</b>	-	<b>(28.181.818)</b>	<b>728.576.626</b>	-	<b>12.502.037.854</b>	<b>99.202.422.662</b>
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này			(50.000.000)			5.860.603.046	5.860.603.046
Tăng khác	20.000.000.000			1.104.735.844			21.054.735.844
<i>Trích lập các quỹ</i>							1.104.735.844
Giảm vốn trong kỳ này							-
<i>Trích lập các quỹ</i>							-
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác							-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>105.999.990.000</b>	-	<b>(78.181.818)</b>	<b>1.833.312.470</b>	-	<b>10.619.169.712</b>	<b>118.374.290.364</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	105.999.990.000	85.999.990.000
<b>Cộng</b>		<b>105.999.990.000</b>	<b>85.999.990.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	85.999.990.000	54.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	20.000.000.000	31.999.990.000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	105.999.990.000	85.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.599.999	8.599.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.599.999	8.599.999
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.599.999	8.599.999
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.599.999	8.599.999
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.599.999	8.599.999
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**d) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.860.603.046	5.921.756.353
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.599.999	5.502.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>610</b>	<b>1.076</b>

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.833.312.470	728.576.626
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

## 1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	98.457.201.062	80.172.090.418
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
<b>Cộng</b>	<b>98.457.201.062</b>	<b>80.172.090.418</b>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết từng đối tượng)		
- Công ty Cổ phần Edico	13.661.988.426	-
<b>Cộng</b>	<b>13.661.988.426</b>	<b>-</b>
c) Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		

## 2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

## 3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng đã bán	84.871.850.334	67.057.254.165
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		
<b>Cộng</b>	<b>84.871.850.334</b>	<b>67.057.254.165</b>

## 4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	6.226.981	4.828.306
Lãi bán các khoản đầu tư		-
<b>Cộng</b>	<b>6.226.981</b>	<b>4.828.306</b>

## 5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	1.333.322.792	1.186.730.686
<b>Cộng</b>	<b>1.333.322.792</b>	<b>1.186.730.686</b>

## 6 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản thu nhập khác	653.368.818	3.542.213.648
<b>Cộng</b>	<b>653.368.818</b>	<b>3.542.213.648</b>

## 7 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản chi phí khác	1.208.940.010	4.789.768.200
<b>Cộng</b>	<b>1.208.940.010</b>	<b>4.789.768.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	<b>4.223.748.994</b>	<b>2.978.609.301</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	3.081.380.012	727.096.896
+ Lương và các khoản trích theo lương	1.219.859.146	727.096.896
+ Dự phòng phải thu khó đòi	1.861.520.866	-
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.142.368.982	2.251.512.405
<b>Cộng</b>	<b>4.223.748.994</b>	<b>2.978.609.301</b>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	-	-
- Chi phí bán hàng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.478.934.731	7.706.770.020
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	541.557.262	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.020.491.993	7.706.770.020
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Truy thu thuế TNDN năm 2015	14.233.286	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.618.331.685</b>	<b>1.695.489.404</b>

**10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.485.575.276	61.606.752.345
Chi phí nhân công	5.001.912.272	2.842.654.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.217.146.480	1.206.556.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.127.628.134	9.131.418.321
Chi phí bằng tiền khác	226.519.785	5.170.255.747
<b>Cộng</b>	<b>34.841.635.467</b>	<b>79.957.637.760</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐÀU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

**3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

**Kỳ này**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thành phẩm</b>	<b>Hợp đồng xây dựng</b>	<b>Khác</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.160.846.137	86.296.354.925	-	98.457.201.062
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>12.160.846.137</b>	<b>86.296.354.925</b>	<b>-</b>	<b>98.457.201.062</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.667.952.106	10.917.398.622	-	13.585.350.728
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				4.223.748.994
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.361.601.734
Doanh thu hoạt động tài chính				6.226.981
Chi phí tài chính				1.333.322.792
Thu nhập khác				653.368.818
Chi phí khác				1.208.940.010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.618.331.685
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>5.860.603.046</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>1.581.818.182</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>3.345.214.770</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Kỳ trước

Mẫu số B09a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thành phẩm	Hợp đồng xây dựng	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.191.840.000	78.980.250.418	-	80.172.090.418
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.191.840.000</b>	<b>78.980.250.418</b>	<b>-</b>	<b>80.172.090.418</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	123.076.500	12.991.759.753	-	13.114.836.253
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				2.978.609.301
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				10.136.226.952
Doanh thu hoạt động tài chính				4.828.306
Chi phí tài chính				1.186.730.686
Thu nhập khác				3.542.213.648
Chi phí khác				4.789.768.200
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				1.785.013.667
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>5.921.756.353</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>1.206.556.574</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Thành phẩm	Hợp đồng xây dựng	Khác	TỔNG CỘNG
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.710.759.504	125.679.905.079	-	143.390.664.583
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				111.146.588.761
<b>Tổng tài sản</b>				<b>254.537.253.344</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.347.196.992	52.137.516.762	-	59.484.713.754
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				76.678.249.226
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>136.162.962.980</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.153.471.106	76.437.639.981	-	77.591.111.087
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				80.055.978.164
<b>Tổng tài sản</b>				<b>157.647.089.251</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	380.034.480	25.183.932.708	-	25.563.967.188
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.880.699.401
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>58.444.666.589</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐÀ TU VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

**3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý**

Kỳ này

Chỉ tiêu	Đà Nẵng	Hà Nội	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	42.089.367.844	26.510.955.530	29.856.877.688	98.457.201.062
Tài sản bộ phận	13.942.811.132	8.782.199.990	9.890.592.991	32.615.604.113
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.581.818.182	-	-	1.581.818.182

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Đà Nẵng	Quảng Nam	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	20.500.377.966	10.131.762.304	49.539.950.148	80.172.090.418
Tài sản bộ phận	10.050.533.735	4.967.206.897	24.287.500.504	39.305.241.136
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	12.113.339.090

**4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

**4.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Ảnh hưởng của rủi ro tài chính**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	2.191.320.624	32.780.904
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	15.004.308.725	8.950.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.379.240.787	58.020.019.189
<b>Cộng</b>	<b>106.574.870.136</b>	<b>67.002.800.093</b>

**4.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống (VND)</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm (VND)</b>	<b>Từ 5 năm trở lên</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Các khoản vay	45.447.000.000	-	-	45.447.000.000
Phải trả người bán	21.339.223.680	-	-	21.339.223.680
Chi phí phải trả	16.377.962.181	-	-	16.377.962.181
Phải trả khác	6.914.104.126	-	-	6.914.104.126
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	24.213.571.000	-	-	24.213.571.000
Phải trả người bán	17.965.019.049	-	-	17.965.019.049
Chi phí phải trả	304.218.182	-	-	304.218.182
Phải trả khác	205.496.445	-	-	205.496.445

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **4.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

##### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

##### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

##### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a- DN

**4.5 Giá trị hợp lý****- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.176.677.456	6.176.677.456	6.554.152.168	6.554.152.168
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.379.240.787	(*)	58.020.019.189	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	412.935.844	(*)	-	(*)
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	15.004.308.725	(*)	8.950.000.000	(*)
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
- Vay ngắn hạn	(45.447.000.000)	(45.447.000.000)	(24.213.571.000)	(24.213.571.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(28.253.327.806)	(28.253.327.806)	(18.170.515.494)	(18.170.515.494)
- Vay dài hạn	-	-	-	-
	<b>37.272.835.006</b>	<b>(*)</b>	<b>31.140.084.863</b>	<b>(*)</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

**- Cơ sở xác định giá trị hợp lý***Nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**5. Thông tin về các bên liên quan**

**a) Các bên liên quan có giao dịch trong kỳ**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Khoáng sản Vinas A Lưới	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Edico	Thành viên quản lý chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình

**b) Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên, trong kỳ Công ty còn có giao dịch với các bên liên quan như sau:**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Giá trị giao dịch VND</b>
<b>Tạm ứng</b>	
Ông Nguyễn Minh Tú	15.000.000
Ông Trương Thế Tùng	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000</b>
<b>Hoàn ứng</b>	
Ông Nguyễn Minh Tú	15.434.620
Ông Trương Thế Tùng	36.663.380
<b>Cộng</b>	<b>52.098.000</b>
<b>Phải thu khác</b>	
Công ty Cổ phần Edico	434.055.992
<b>Cộng</b>	<b>434.055.992</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	
Bà Hồ Thị Hồng Vân	7.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.700.000.000</b>
<b>Mua hàng</b>	
Công ty Cổ phần Edico	30.119.908.253
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	11.527.361.000
<b>Cộng</b>	<b>41.647.269.253</b>
<b>Trả tiền mua hàng</b>	
Công ty Cổ phần Edico	42.741.082.400
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	15.564.092.340
<b>Cộng</b>	<b>58.305.174.740</b>
<b>c) Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2016:</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>
<b>Tạm ứng</b>	
Ông Nguyễn Minh Tú	96.115.197
Ông Nguyễn Đoàn Minh Huy	978.200.000
Ông Trương Thế Sơn	978.200.000
Ông Trương Thế Tùng	911.352.758
<b>Cộng</b>	<b>2.963.867.955</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**

Địa chỉ: Số 5 Thân Cảnh Phúc, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Phải thu khác**

Công ty Cổ phần Edico

434.055.992

**Cộng**434.055.992**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Bà Hồ Thị Hồng Vân

7.700.000.000

Công ty Cổ phần Edico

12.621.174.147

**Cộng**20.321.174.147**d) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng như sau :**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Ông Lê Văn Bình	Tổng Giám đốc	91.738.537
Ông Trương Thế Tùng	Phó Tổng giám đốc	40.057.500
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Tổng giám đốc	85.965.645
<b>Cộng</b>		<b><u>217.761.682</u></b>

**6 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Người lập biểu**

**Hồ Thị Trà Giang****Kế toán trưởng**

**Huỳnh Văn Hiệp**

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**Tổng Giám đốc****Lê Văn Bình**